TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thảo Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Văn Dúng.
Bà Thạch Thị Mỹ Kim.
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 7, Phường D, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Bị đơn: Ông **Trần Phong P**, sinh năm 1980 (có mặt)
Địa chỉ: Số 31/24, Khóm 9, Phường C, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà Phạm Thị H là nguyên đơn trình bày:

Năm 2003, bà và ông P qua quá trình tìm hiểu yêu thương, sau đó tiến đến hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Trà Vinh. Trong quá trình chung sống, bà và ông P có hai người con chung tên Trần Phước S, sinh ngày 13/8/2003 và Trần Cẩm V, sinh ngày 22/7/2015. Vợ chồng hạnh phúc được một khoảng thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ông P thường xuyên cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Giữa bà và ông P đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đoàn tụ được. Nhận thấy, hôn nhân giữa bà và ông P không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Phước S, sinh ngày 13/8/2003 và Trần Cẩm V, sinh ngày 22/7/2015, không yêu cầu ông Phú cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Phong P trình bày và có yêu cầu như sau:

Căn cứ vào lời trình bày của bà H là đúng về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông và bà H qua quá trình tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân với nhau. Ông và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Trà Vinh vào năm 2003. Ông P cho rằng, vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn, nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H, vì ông còn thương vợ thương con.

Nếu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H thì ông có yêu cầu như sau:

- Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Cẩm V, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Trần Phước S, ông thống nhất theo nguyện vọng của cháu S, cháu muốn sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Trần Phước S: Nguyện vọng của cháu sau khi ba mẹ ly hôn thì cháu muốn được sống chung với mẹ Phạm Thị H.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Bà H và ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên bà H không còn tình cảm với ông Phú.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Phong P và yêu cầu giải quyết phần nuôi con trong cùng vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con". Vụ án có bị đơn ông Trần Phong P cư trú tại Khóm 9, Phường C, thành phố Trà Vinh, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Trần Phong P, qua quá trình tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân với nhau. Bà H và ông Phú có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Trà Vinh, theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/2003, nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Bà H yêu cầu ly hôn vì bà cho rằng ông P không quan tâm chăm sóc vợ con và mâu thuẫn chính dẫn đến ly hôn là ông Phú cờ bạc. Từ đó, vợ chồng bất đồng quan điểm, cự cãi. Qua xác minh tại địa phương, mâu thuẫn giữa bà H và ông P đã trở nên trầm trọng, ông P không phụ giúp bà H trong kinh tế gia đình và chăm sóc các con. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần hòa giải để vận động vợ chồng đoàn tụ. Nhưng bà H và ông P vẫn không có tiếng nói chung, bà H khẳng định không còn tình cảm yêu thương với ông P. Nếu kéo dài cuộc hôn nhân chỉ gây đau khổ cho cả đôi bên. Ông P yêu cầu được đoàn tụ, nhưng trong các lần hòa giải và tại phiên tòa, ông P cũng không chứng minh được ý chí muốn đoàn tụ cùng bà H. Điều này minh chứng cho tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông P là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông Phú có hai người con chung Trần Phước S, sinh ngày 13/8/2003 và Trần Cẩm V, sinh ngày 22/7/2015. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung. Ông P cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Cẩm V. Đối với cháu Trần Phước S, ông P thống nhất theo nguyện vọng của cháu. Tuy nhiên, việc giao con cho người nào nuôi cần xem xét đến quyền lợi, nguyện vọng của các con chung và điều kiện của người yêu cầu trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu Trần Phước S và cháu Trần Cẩm V từ trước đến nay đều do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Trần Phước S có nguyện vọng được sống chung với bà H. Cháu Trần Cẩm V chưa đủ 07 tuổi để hỏi ý kiến của cháu có nguyện vọng được sống chung với ông P hay bà H. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Trần Cẩm V là bé gái, đang trong độ tuổi trưởng thành, bà H là mẹ sẽ hiểu và biết được quá trình phát triển tâm sinh lý của bé gái, nên giao cháu V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những nhận định trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Phước S và cháu Trần Cẩm V.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị H không yêu cầu ông Trần Phong P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung. Nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H và ông Trần Phong P khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Trần Phong P khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Trần Phong P.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phước S, sinh ngày 13/8/2003 và Trần Cẩm V, sinh ngày 22/7/2015 cho bà Phạm Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Phước S là được sống chung với bà H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị H không yêu cầu ông Trần Phong P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung. Nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H và ông Trần Phong P khai không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Trần Phong P khai không có, nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng. Nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã đóng theo biên lai thu tiền số 0005801 ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Bà H đã nộp đủ tiền án phí, nên bà H không phải nộp tiếp.

7. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận
- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Ủy ban nhân dân phường 4, TP. Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thảo Nguyên